

Bản án số: **05/2023/HS-ST**

Ngày: 08 - 02 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁNNHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Lương;

Bà Nguyễn Thị Luyến.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Ngọc Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại Phòng xét xử số 01 - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 56/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

S Phaykalang (X - Phay Cả Lang), sinh ngày 03/4/1984, tại Lào; nơi cư trú: Bản Đ, huyện S, tỉnh Savannakhet; quốc tịch: Lào; dân tộc: Lào Thong; tôn giáo: không; giới tính: nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; con ông C - Phay Cả Lang và bà L- Phay Cả Lang (*đều đã chết*); vợ X - Phay Cả Lang, sinh năm 1980; có 02 con (*lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2006*).

Tiền án, tiền sự: Không.

Lý lịch tư pháp của bị cáo: Ngày 28/02/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Savannakhet, Lào xử phạt 02 năm tù và phạt tiền 1.000.000 **Kíp** về tội “*Cố gắng hiếp dâm*” (*Bản án số 025/HS-ST ngày 28/02/2013*)

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/3/2022 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Trị; có mặt.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị X - Phay Cả Lang, sinh năm 1980; nơi cư trú: bản Đ, huyện S, tỉnh Savannakhet, Lào; vắng mặt.

2. Chị Tạ Thị T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ T, khóm T, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

3. Chị Trần Thị V, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn L, thị trấn P, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

4. Anh Hồ Văn P, sinh năm 1976; nơi cư trú: Khóm K, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

* *Người phiên dịch:* Bà Nguyễn Thị Xuân L; nơi cư trú: 19 O, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 28/02/2022, S Phaykalang đang ở nhà mình tại bản Đ thì Tạ Thị T sử dụng tài khoản Facebook có tên “T N” gọi điện tới tài khoản “S Sisuphan” (*viết bằng tiếng Lào*) của S để nhờ đưa T và Trần Thị V nhập cảnh trái phép từ Lào về Việt Nam. Do có quen biết làm ăn với nhau tại Lào và trước đây đã có lần chở T tới khu vực Cửa khẩu Lào - Việt Nam để lấy tiền công nên S đồng ý và lấy xe mô tô BKS 74H1-288.12 chạy từ nhà ra đến quán tạp hóa bé Đ (*tại chợ Caron*) đứng đợi. Khoảng 17 giờ 15 phút cùng ngày T và V đến, S chở 02 người này về nhà của mình và gọi điện thoại cho S1 Phaykalang đến để nhờ chở T và V. T bảo với S đi xin bộ đội Lào để cho T và V về Việt Nam, S đến chốt kiểm soát của bộ đội Lào gặp một người tên là S2 (*tự xưng là bộ đội Lào*) người này đồng ý cho đưa người về Việt Nam và yêu cầu phải trả 200.000 Kíp Lào/người. S điện thoại cho T thông báo chi phí để về Việt Nam hết 400.000 đến 500.000 Kíp Lào cho 02 người (*trong đó 400.000 Kíp trả cho bộ đội Lào, 100.000 Kíp là tiền công và tiền xăng xe*), T nói “*Xin hai người 200.000 Kíp được không?*”, S trả lời “*Không được, bộ đội Lào không chịu*”, S tắt điện thoại rồi tiếp tục chạy xe máy về nhà. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, S2 điện thoại cho S báo có thể đưa người về Việt Nam, S dùng xe mô tô 74H1-288.12 chở V đi trước, S1 dùng xe mô tô không biển kiểm soát chở T đi sau theo đường tiểu ngạch thuộc bản Đ để về Việt Nam. Khi đến khu vực suối C thuộc khóm T, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị, lúc này T đã bỏ 500.000 Kíp Lào (*gồm: 04 tờ 100.000 Kíp và 02 tờ 50.000 Kíp*) vào túi áo ấm bên dưới phía trái của S thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt giữ.

* *Vật chứng thu giữ:*

- 06 tờ tiền ngoại tệ Lào gồm: 04 tờ mệnh giá 100.000 LAK (*Kíp Lào*), 02 tờ mệnh giá 50.000 LAK (*Kíp Lào*);

- 01 điện thoại di động, bàn phím số, màu trắng, hiệu Myphone, máy đã qua sử dụng;
- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh - đen, hiệu Vivo, máy đã qua sử dụng;
- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu đen, hiệu OPPO, máy đã qua sử dụng;
- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave RSX, màu xanh - đen - trắng, BKS: 74H1-288.12, đã qua sử dụng.

Hiện các vật chứng và đồ vật đã tạm giữ được chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị bảo quản chờ xử lý.

Tại bản kết luận giám định số 947/KI-KTHS ngày 20/7/2022 của Phân viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại thành phố Đà Nẵng kết luận: 06 tờ tiền ngoại tệ gửi đến giám định là tiền thật (*tiền Kíp Lào (LAK)*), mệnh giá 100.000 Kíp (*04 tờ*) và 50.000 Kíp (*02 tờ*).

Cáo trạng số: 28/CT-VKS-P1 ngày 24/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đã truy tố bị cáo S Phaykalang về tội: “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo khoản 1 Điều 348 BLHS.

Ngày 21/09/2022 TAND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 05/2022/HSST-QĐ để điều tra bổ sung chứng minh nhân thân bị cáo S Phaykalang.

Kết quả điều tra bổ sung thể hiện: Bản án số 025/HS-ST ngày 28/02/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Savannakhet, Lào xử phạt bị cáo S Phaykalang 02 năm tù và phạt tiền 1.000.000 Kíp về tội: “*Cố gắng hiếp dâm*”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo S Phaykalang từ 15 đến 18 tháng tù.

Về xử lý vật chứng. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Vivo; số tiền 500.000 Kíp Lào và 01 xe mô tô BKS 74H1-288.12 của bị cáo S. Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Myphone; trả lại cho chị Tạ Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra

và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận hành vi của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Vào ngày 28/02/2022 S Phaykalang đã có hành vi tổ chức cho chị Tạ Thị T và Trần Thị V (*trong đó chị V không phải là công dân khu vực biên giới*) từ Lào nhập cảnh trái phép về Việt Nam với chi phí từ 400.000 đến 500.000 Kíp Lào, di chuyển theo đường tiểu ngạch nhằm trốn tránh cơ quan chức năng. Khi đến khu vực suối Cạn thì bị phát hiện bắt giữ.

Hành vi nêu trên của bị cáo S Phaykalang đã cấu thành tội: “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự như truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Đối với các đối tượng có liên quan:

Chị Tạ Thị T và Trần Thị V là những người thuê S chở và dẫn đường nhập cảnh trái về Việt Nam. Hành vi của những người này đã vi phạm quy định “*Qua lại biên giới Quốc gia mà không làm thủ tục xuất nhập cảnh theo quy định*”, Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với S1 Phaykalang là người được S nhờ giúp cùng S chở chị T và chị V nhập cảnh về Việt Nam. Quá trình điều tra xác định S1 Phaykalang có chở người nhập cảnh trái phép nhưng không biết và không hưởng lợi gì nên không có căn cứ xem xét xử lý; Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với S1 Phaykalang.

Người tên S2 (*bộ đội Lào*), Cơ quan An ninh điều tra đã xác minh nhưng chưa xác định được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[4]. Hành vi phạm tội của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh ở biên giới Việt Nam. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích vụ lợi đã bất chấp, tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép. Vì vậy, cần xét xử bị cáo mức án nghiêm mới có tác dụng phòng ngừa chung.

[5]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ: “*thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Ngoài ra cũng cần xem xét cho bị cáo là người nước ngoài nên nhận thức về pháp luật Việt Nam chưa đầy đủ. Bị cáo nhằm tưởng đã đưa tiền và được bộ đội Lào

cho phép đi là hợp pháp và tin tưởng vào lời hứa của T và V nên đã đồng ý chở những người này nhập cảnh trái phép vào Việt Nam (*trong đó có 01 người sống ở khu vực được hưởng quy chế biên giới giữa Việt Nam - Lào*), nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại hiệu Vivo của bị cáo S do sử dụng vào hành vi phạm tội và số tiền 500.000kip Lào là tiền do bị cáo phạm tội mà có. Đối với xe mô tô BKS 74H1-288.12 có giấy đăng ký xe mang tên Hồ Văn P quá trình điều tra, xác minh anh P xác nhận toàn bộ tiền mua xe là của bị cáo S Phaykalang đưa qua Việt Nam để mua, anh P chỉ được nhờ là người đứng tên cho bị cáo trên giấy tờ xe. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định xe mô tô trên là tài sản của bị cáo và đã sử dụng vào hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại hiệu Myphone; trả lại cho chị Tạ Thị T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO do không liên quan đến hành vi phạm tội.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[8]. Ra Quyết định tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo S Phaykalang (X- Că Lang), phạm tội: “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”

2. Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo: **S Phaykalang**: 12 (*mười hai*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 02/3/2022.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

* *Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:*

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh - đen, trên bề mặt ốp sau của máy có ký hiệu Vivo, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, màu đơn xanh - đen, biển kiểm soát 74H1-288.12, số khung: RLHJA3856MY114448, số máy JA52E-0253880, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

- 04 tờ tiền ngoại tệ (*tiền Kip Lào*) mệnh giá 100.000, có cùng seri 2011 và mã số hiệu lần lượt là: CQ 8521173, BD 1005354, AD 4320142, CL 3386521; 02 tờ tiền ngoại tệ (*tiền Kip Lào*) mệnh giá 50.000, có cùng seri 2004 và mã số hiệu lần lượt là BC 0355309, AY 6651787 (*được niêm phong trong phong bì dán kín, tại mép dán phong bì có đóng 02 hình dấu tròn của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà*

Năng và họ tên chữ ký của Phan Vĩnh Quân, Nguyễn Văn Linh (kèm theo kết luận giám định số: 947/KL-KTHS, ngày 20/7/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng).

** Trả lại cho chị Tạ Thị T: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu đen, nhãn hiệu OPPO A31, kiểu máy CPH2073, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy.*

** Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động, bàn phím số, màu trắng, trên bề mặt dưới màn hình của máy có ký hiệu chữ myPhone, trên bề mặt sau của máy có in ký hiệu myPhone2, bên trong khe sim của máy có gắn 02 thẻ sim, trên bề mặt của thẻ sim có ghi ký hiệu và dãy số cụ thể: Sim 1 Unitel 32k, 8945703001005236235; sim 2 8945703002121696420, máy đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong máy.*

(Vật chứng trên hiện có tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/8/2022).

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo S Phaykalang phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo những nội dung liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị; (ANĐT)
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Lãnh sự quán Lào tại Đà Nẵng;
- Bị cáo; người TGTT;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Quang